

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 05/2025/HS-ST

Ngày: 20-01-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tuấn.

Thẩm phán: Ông Phạm Văn Diệp

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lê Thị Đổi;
- Ông Nguyễn Đức Hạnh;
- Ông Lê Thanh Tâm.

Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Minh Huy, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đoàn Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 73/2024/TLHS-ST ngày 04 tháng 11 năm 2024; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2025/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 01 năm 2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn N, sinh ngày 10-01-1980, tại tỉnh Tây Ninh; Nơi cư trú: ấp C, xã H, thị xã T, tỉnh Tây Ninh. Nơi tạm trú: ấp P, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: tài xế; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không có; quốc tịch: Việt Nam; cha: Nguyễn Văn T (đã chết), mẹ Phạm Thị R, sinh năm 1943; anh, chị, em ruột: có 08 người, lớn nhất sinh năm 1961, nhỏ nhất sinh năm 1982; vợ Lương Minh H, sinh năm 1984 (đã ly hôn); con: 02 người, lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 2007. Tiền án, tiền sự: không có. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13-02-2024, chuyển sang tạm giam từ ngày 22-02-2024 cho đến nay; bị cáo có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn N theo luật định: Luật sư Nguyễn Lâm Q, Văn phòng L1, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T; có mặt.

Bị hại:

- Anh Đặng Thành Đ, sinh năm 1983 (đã chết)

Người đại diện hợp pháp cho bị hại Được: Ông Đặng Thành L, sinh năm 1962; địa chỉ: Ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (cha bị hại Được); có mặt.

2. Chị Tô Hồng N1, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp T, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại N1 và ông L là người đại diện hợp pháp cho bị hại Được: Ông Lê Việt Hoàng N2, là Luật sư của Văn phòng L2, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 13-02-2024, Nguyễn Văn N nhớ lại việc anh Đặng Thành Đ nói chị Nguyễn Thị Tường V (chị V là người sống như vợ chồng với N) nghe việc N chơi đánh bạc thua hết tiền, nên N lấy dao bấm bằng kim loại dài 34cm trên kệ bếp trong nhà chị V giấu trong lưng quần rồi chạy đến quán C thuộc ấp P, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh tìm đánh anh Đ. Khi đến trước quán C, N la lớn “thằng Được đâu” và đi vào trong quán thấy anh Đ đang ngồi trên võng, thì N và anh Đ cự cãi nhau; N dùng tay trái đánh trúng mặt anh Đ 02 cái; anh Đ lấy dao dùng chặt dừa trong quán cầm trên tay; N lấy dao giấu trong lưng quần, bật lưỡi dao ra, cầm dao trên tay trái đến gần anh Đ ngã ngửa, thì dao trên tay anh Đ quơ trúng tay trái N gây thương tích; Nam khom người dùng dao đâm nhiều nhát từ trên xuống trúng vào mắt, môi, cằm, cổ, tay, chân anh Đ gây thương tích. Lúc này, chị Tô Hồng N1 (vợ anh Đ), đứng phía sau nắm vạt áo của N kéo ra để can ngăn thì N quay người lại cầm dao đâm từ trái qua phải trúng ngực chị N1 gây thương tích. Anh Đ và chị N1 được mọi người đưa đến Bệnh viện Đ1 cấp cứu, điều trị đến ngày 21-02-2024 chị N1 ra viện, còn anh Đ chuyển đến Bệnh viện Chợ Rẫy Thành phố H điều trị đến ngày 21-02-2024 tử vong. Riêng N cầm dao đến Công an đầu thú.

* Kết luận giám định pháp y về tử thi số 141/KLGĐTT-2024 ngày 19-3-2024 của Trung tâm pháp y - Sở y tế Thành phố H, kết luận: nguyên nhân Đặng Thành Đ chết do suy tuần hoàn hô hấp do đa chấn thương, vì bị thủng nhãn cầu trái; vết thương đứt da, cơ cẳng tay phải gây đứt động mạch, tĩnh mạch tay phải.

* Kết luận giám định số 1496/KL-KTHS ngày 16-4-2024 và số 1623/KL-KTHS ngày 26-4-2024 của Phân viện KHHS Bộ C1 tại Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: trên con dao kim loại dài 34cm có dính máu người, phân tích ADN trên con dao này, trùng với ADN của tử thi Đặng Thành Đ và bị hại Tô Hồng N1. Không phân tích được ADN từ dấu vết trên con dao dài 32cm.

* Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 277/KLTTCT-PVPYQG ngày 20-9-2024 của Phân Viện pháp y tại Thành phố Hồ Chí Minh, xác định 01 sẹo kích thước lớn vùng ngực, kết luận tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Tô Hồng N1 tại thời điểm giám định là 03%. Thương tích là do vật sắc nhọn tác động trực tiếp theo chiều từ trái qua phải, từ trước ra sau.

Qua điều tra, N thừa nhận hành vi phạm tội.

* Kết quả thu giữ vật chứng: có bảng thống kê kèm theo.

* Về bồi thường thiệt hại: Ông Đặng Thành L là đại diện gia đình anh Đặng Thành Đ yêu cầu bồi thường 291.474.646 đồng, gia đình bị can N đã bồi thường 210.000.000 đồng; ông L đã làm đơn xin bãi nại. Chị Tô Hồng N1 yêu cầu bồi thường 100.000.000 đồng, gia đình bị can N đã bồi thường 50.000.000 đồng.

Tại Bản Cáo trạng số 56/CT-VKS-P2 ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đã truy tố bị cáo: Nguyễn Văn N về tội “Giết người” theo quy định tại điểm a, n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự.

Trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh trình bày: Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn N đủ yếu tố cấu thành tội “Giết người” theo quy định tại Điều 123 của Bộ luật Hình sự, với tình tiết định khung hình phạt “Giết 02 người trở lên” và “Có tính chất côn đồ” theo quy định tại điểm a, n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo N phạm tội đối với chị N1 là phụ nữ đang có thai, nên áp dụng áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo điểm i khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo N thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho ông L là người đại diện hợp pháp bị hại Được số tiền 210.000.000 đồng và ông L đã làm đơn xin bãi nại; bồi thường cho chị Tô Hồng N1 số tiền 50.000.000 đồng; bị cáo N đã ra đầu thú; nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2, Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52; Điều 39 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N tù chung thân.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi thường cho người bị hại theo quy định của pháp luật.

Luật sư Lê Việt Hoàng N2 là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại N1 và ông L là người đại diện hợp pháp cho bị hại Được trình bày: Thống nhất với ý kiến của Kiểm sát viên. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo N2 với mức án nghiêm nhằm đảm bảo tính giáo dục bị cáo. Buộc bị cáo N2 bồi thường cho bị hại N1 và người đại diện hợp pháp cho bị hại Được theo yêu cầu của chị N1 và ông L trình bày.

Luật sư Nguyễn Lâm Q người bào chữa chỉ định cho bị cáo Nguyễn Văn N trình bày:

Thống nhất với bản cáo trạng đã truy tố bị cáo N. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo N có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự như: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo ra đầu thú; bị hại Được có phần lỗi; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại và đại diện hợp pháp bị hại Được đã có đơn xin bãi nại cho bị cáo, để xem xét cho bị cáo được hưởng mức hình phạt

tù có thời hạn cũng đảm bảo tính giáo dục bị cáo. Việc truy tố bị cáo với tình tiết định khung hình phạt “Có tính chất côn đồ” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự là chưa thỏa đáng, vì bị hại Được có phần lỗi đối với bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo N thừa nhận hành vi phạm tội nhưng bị cáo N cho rằng chỉ quơ dao lỡ trúng bị hại N1. Lời nói sau cùng của bị cáo N: xin lỗi bị hại và xin được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Xét hành vi của bị cáo Nguyễn Văn N, Hội đồng xét xử nhận thấy,

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 13-02-2024, do tức giận việc anh Đặng Thành Đ nói lại cho chị Nguyễn Thị Tường V biết việc bị cáo N đánh bạc thua hết tiền, nên bị cáo lấy dao bấm bằng kim loại dài 34cm đến quán C thuộc ấp P, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh, tìm gặp anh Đ, dẫn đến cự cãi nhau; N dùng tay đánh anh Đ ngã ngửa và dùng dao đâm nhiều nhát từ trên xuống trúng vào mắt, môi, cằm, cổ, tay, chân dẫn đến anh Đ tử vong do suy tuần hoàn hô hấp do đa chấn thương, vì bị thủng nhãn cầu trái; vết thương đứt da, cơ cẳng tay phải gây đứt động mạch, tĩnh mạch tay phải; cùng lúc này khi chị Tô Hồng N1 đứng sau kéo áo bị cáo N để can ngăn thì bị cáo N quay lại dùng dao đâm 01 nhát trúng ngực chị N1 gây tổn thương cơ thể 03%. Việc chị N1 không chết là do đã né tránh kịp thời, ngoài ý muốn chủ quan của bị cáo.

Qua điều tra, bị cáo N thừa nhận hành vi phạm tội. Xét thấy lời nhận tội của bị cáo phù hợp với bản tự khai do chính bị cáo viết, kết luận giám định, lời khai của bị hại N1, vật chứng thu giữ, cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định hành vi của bị cáo Nguyễn Văn N đủ yếu tố cấu thành tội “Giết người” theo quy định tại Điều 123 của Bộ luật Hình sự, với tình tiết định khung hình phạt “Giết 02 người trở lên” và “Có tính chất côn đồ” theo quy định tại điểm a, n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự, nên Cáo trạng truy tố bị cáo là có căn cứ.

Tại phiên tòa, bị cáo trình bày việc bị cáo quơ dao trúng chị N1 nên bị cáo không phạm tình tiết định khung hình phạt là “Giết 02 người trở lên”, nhận thấy bị cáo biết dùng dao là hung khí nguy hiểm tác động vào vùng ngực của bị hại N1 có thể dẫn đến chết người nhưng bị cáo vẫn thực hiện. Ngoài ra, bị cáo và Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày bị cáo không phạm tình tiết định khung

hình phạt “Có tính chất côn đồ”, nhận thấy xuất phát từ nguyên nhân mâu thuẫn không lớn nhưng bị cáo đã dùng dao gây thương tích dẫn đến bị hại Được tử vong, thể hiện tính côn đồ; do đó không chấp nhận lời trình bày của bị cáo.

[3] Xét vụ án mang tính chất đặc biệt nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ.

Xuất phát từ những mâu thuẫn nhỏ nhất, bị cáo đã dùng dao bấm là hung khí nguy hiểm gây thương tích cho bị hại; hậu quả bị hại Được đã chết do đa chấn thương và bị hại N1 bị vết thương kích thước lớn vùng ngực, với tỷ lệ tổn thương cơ thể chỉ N1 tại thời điểm giám định là 03%; hành vi của bị cáo thể hiện tính chất côn đồ; nên cần xử lý nghiêm bị cáo để bảo đảm tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

[4] Khi quyết định hình phạt có xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

4.1 Tình tiết tăng nặng: bị cáo N phạm tội đối với chị N1 là phụ nữ đang mang thai, nên áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo điểm i khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

4.2. Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo N thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã bồi thường cho ông L là người đại diện hợp pháp bị hại Được số tiền 210.000.000 đồng và ông L đã làm đơn xin bãi nại; bồi thường cho bị hại Tô Hồng N1 số tiền 50.000.000 đồng; sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú; nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa; chấp nhận một phần lời đề nghị của vị Luật sư Q bào chữa cho bị cáo và Luật sư N là người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị hại N1 và ông L là người đại diện hợp pháp cho bị hại Được; nên cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Về bồi thường: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 590, Điều 591 của Bộ luật Dân sự.

Tại phiên tòa, bị cáo N tự nguyện đồng ý bồi thường cho bị hại N1 yêu cầu các khoản tổng cộng là 167.000.000 đồng và bồi thường cho ông L là người đại diện hợp pháp bị hại Được yêu cầu các khoản tổng cộng là 290.000.000 đồng. Ghi nhận bị cáo đã bồi thường cho bị hại N1 được số tiền 50.000.000 đồng và đã bồi thường cho ông L là người đại diện hợp pháp bị hại Được số tiền 210.000.000 đồng. Nên bị cáo N còn phải bồi thường tiếp số tiền còn lại.

Tại phần tranh luận, Luật sư N yêu cầu bị cáo N bồi thường cho chị N1 tiền trợ cấp nuôi con chị N1, anh Đ; nhận thấy không phù hợp nên không chấp nhận.

[6] Về xử lý vật chứng đã thu giữ:

+ Xét thấy các vật chứng đã thu giữ không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

(Các vật chứng trên hiện Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh đang quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 01-11-2024).

[7] Về án phí: bị cáo N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm trên tổng số tiền còn phải bồi thường tiếp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N, phạm tội “Giết người”,

2. Áp dụng điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2, Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52; Điều 39 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt: Nguyễn Văn N, tù chung thân. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13-02-2024.

3. Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 590, Điều 591 của Bộ luật Dân sự,

3.1. Ghi nhận bị cáo Nguyễn Văn N tự nguyện đồng ý bồi thường cho bị hại Tô Hồng N1 các khoản tổng cộng là 167.000.000 (Một trăm sáu mươi bảy triệu) đồng. Ghi nhận bị cáo N đã bồi thường cho bị hại N1 được số tiền 50.000.000 đồng; nên buộc bị cáo N bồi thường thêm số tiền còn lại cho bị hại N1 là 117.000.000 (Một trăm mười bảy triệu) đồng.

3.2. Ghi nhận bị cáo Nguyễn Văn N tự nguyện đồng ý bồi thường cho người đại diện hợp pháp của bị hại Được các khoản tổng cộng là 290.000.000 (Hai trăm chín mươi triệu) đồng. Ghi nhận bị cáo N đã bồi thường được số tiền 210.000.000 đồng, nên buộc bị cáo N bồi thường thêm số tiền còn lại cho ông L là người đại diện hợp pháp bị hại Được là 80.000.000 (Tám mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền nêu trên, thì còn phải chịu tiền lãi phát sinh đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

4.1. Tịch thu tiêu hủy các vật không còn giá trị sử dụng gồm:

+ 01 (một) áo thun ngắn tay, màu nâu đỏ, trên áo có chữ “Superdayst”, phía sau áo bị rách 03 lỗ (áo của N, đã qua sử dụng);

+ 01 (một) quần sọt Jean màu xanh (quần của N, đã qua sử dụng);

+ 01 (một) đôi dép nhựa màu trắng, loại quai ngang kích thước (26 X 10) cm (của anh Đ, đã qua sử dụng);

+ 01 (một) đôi dép xốp màu xanh, loại quai kẹp kích thước (20 X 10) cm (của chị N1, đã qua sử dụng);

+ 01 (một) dao kim loại dài 32cm, phần lưỡi dài 22cm, rộng nhất 10cm, dày 0,3cm, loại 01 cạnh sắc, mũi bằng, phần cán dài 10cm (dao anh Đ dùng chặt dừa, đã qua sử dụng);

+ 01 (một) cây dao kim loại dài 34cm, phần lưỡi dài 15,5cm, rộng nhất 03cm, dày nhất 0,2cm, loại một cạnh sắc, mũi nhọn, trên lưỡi có chữ “AK-47 CCCP”, phần cán kim loại bọc gỗ dài 18,5cm, nơi rộng nhất 3,8cm, dày nhất 1,9cm, trên phần cán có chữ “USA-47”, trên phần lưỡi và phần cán có dính nhiều chất màu nâu đỏ (là dao Nam sử dụng gây án, đã qua sử dụng);

(Các vật chứng trên hiện Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh đang quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 01-11-2024).

5. Án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn N phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn N phải chịu 9.850.000 (Chín triệu, tám trăm năm mươi nghìn) đồng.

6. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, báo cho bị cáo Nguyễn Văn N; bị hại Tô Hồng N1; người đại diện hợp pháp bị hại Đ và những người tham gia tố tụng khác trong vụ án, biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- Vụ 1 – TATC (khi bản án có hiệu lực);
- VKSNDCC;
- VKSND tỉnh TN;
- VP CQCSĐT CA tỉnh;
- Phòng PV06 CA Tây Ninh;
- Sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh;
- Cục THADS tỉnh Tây Ninh;
- Trại tạm giam;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc Tuấn